

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động vận tải năm 2014**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Sở Giao thông vận tải tỉnh KonTum báo cáo kết quả hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương trong năm 2014 như sau:

**I. Hoạt động vận tải:**

**1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách.**

**1.1. Vận chuyển hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định.**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn vị vận tải trên địa bàn</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>09</b>
1.1	Doanh nghiệp	-nt-	04
1.2	Hợp tác xã	-nt-	05
<b>2</b>	<b>Tổng số tuyến</b>	<b>Tuyến</b>	<b>30</b>
2.1	Tuyến nội tỉnh	-nt-	26
2.2	Tuyến liên tỉnh	-nt-	04
<b>3</b>	<b>Tổng số phương tiện</b>	<b>Xe</b>	<b>197</b>
3.1	Tuyến nội tỉnh	-nt-	57
3.2	Tuyến liên tỉnh	-nt-	140
<b>4</b>	<b>Tổng chuyển xe thực hiện</b>	<b>Chuyến</b>	<b>35.653</b>
4.1	Tuyến nội tỉnh	Chuyến	18.573
4.2	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	72
4.3	Tuyến liên tỉnh	Chuyến	17.080
4.4	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	80

**1.2. Vận chuyển hành khách theo hợp đồng.**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn vị tham gia</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>05</b>
1.1	Doanh nghiệp	-nt-	02
1.2	Hợp tác xã	-nt-	03
1.3	Hộ kinh doanh	-nt-	0
<b>2</b>	<b>Tổng số phương tiện</b>	<b>Xe</b>	<b>22</b>
2.1	Sức chứa dưới 25 chỗ	-nt-	22
2.2	Sức chứa từ 25 - 38 chỗ	-nt-	0
2.3	Sức chứa từ trên 38 chỗ	-nt-	0
<b>3</b>	<b>Số chuyến xe thực hiện</b>	<b>Chuyến</b>	<b>1.056</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng khách vận chuyển</b>	<b>Lượt khách</b>	<b>12.672</b>

### 1.3. Vận chuyển hành khách bằng xe du lịch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn vị tham gia</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>0</b>
1.1	Doanh nghiệp	-nt-	0
1.2	Hợp tác xã	-nt-	0
1.3	Hộ kinh doanh	-nt-	0
<b>2</b>	<b>Tổng số phương tiện</b>	<b>Xe</b>	<b>0</b>
2.1	Sức chứa dưới 25 chỗ	-nt-	0
2.2	Sức chứa từ 25 - 38 chỗ	-nt-	0
2.3	Sức chứa từ trên 38 chỗ	-nt-	0
<b>3</b>	<b>Số chuyến xe thực hiện</b>	<b>Chuyến</b>	<b>0</b>
<b>4</b>	<b>Sản lượng khách vận chuyển</b>	<b>Lượt khách</b>	<b>0</b>

### 1.4. Vận chuyển hành khách bằng xe buýt.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1</b>	<b>Tổng số tuyến</b>	<b>Tuyến</b>	<b>02</b>
-	Số tuyến có trợ giá (nếu có)	-nt-	0
<b>2</b>	<b>Tổng phương tiện</b>	<b>Xe</b>	<b>16</b>
<b>3</b>	<b>Tổng số chuyến xe thực hiện</b>	<b>Chuyến</b>	<b>22.506</b>
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch</b>	<b>%</b>	<b>98</b>
<b>5</b>	<b>Tổng trợ giá (nếu có)</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>0</b>

## 2. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1</b>	<b>Tổng phương tiện</b>	<b>Xe</b>	<b>6.015</b>
1.1	Xe Công ten nơ	-nt-	11
1.2	Xe taxi tải	-nt-	0
1.3	Xe tải khác	-nt-	6.004
<b>2</b>	<b>Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển</b>	<b>Tấn</b>	<b>5.756.000</b>
2.1	Xe Công ten nơ	-nt-	42.157
2.2	Xe taxi tải	-nt-	0
2.3	Xe tải khác	-nt-	5.713.843
<b>3</b>	<b>Tổng sản lượng luân chuyển hàng hóa</b>	<b>Tấn.km</b>	<b>382.770.000</b>
3.1	Xe Công ten nơ	-nt-	2.803.440
3.2	Xe taxi tải	-nt-	0
3.3	Xe tải khác	-nt-	379.966.560

### 3. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông:

Trong năm 2014, trên cơ sở Kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông đã triển khai nhìn chung các đơn vị kinh doanh vận tải đã thực hiện cơ bản các nội dung theo yêu cầu.

- Đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tất cả các phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo đúng lộ trình; các thiết bị giám sát hành trình đều có dấu hợp quy và in được các thông tin theo quy định; đã bố trí cán bộ theo dõi thông tin từ thiết bị giám sát hành trình; có biện pháp xử lý đối với lái xe vi phạm thông qua thông tin từ thiết bị giám sát hành trình như: trừ lương, không bố trí lái xe, buộc thôi việc...

- Việc kiểm soát sức khỏe lái xe đã được các đơn vị thực hiện theo đúng chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải; trong năm 2014, đã tổ chức kiểm tra sức khỏe (có xét nghiệm sử dụng chất ma túy) tại các cơ sở Y tế đủ điều kiện theo thông báo của Sở Y tế tỉnh Kon Tum cho 494 trường hợp (đạt 100%); trong đó đủ điều kiện 491 trường hợp; loại bỏ 01 trường hợp có sử dụng chất ma túy; 02 trường hợp từ chối khám sức khỏe.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về ATGT và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: Các đơn vị vận tải đã tổ chức tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Kon Tum kiểm tra kết quả tập huấn theo quy định.

- Công tác quản lý phương tiện, lập sổ theo dõi lý lịch phương tiện, kiểm tra điều kiện phương tiện trước khi đưa xe ra kinh doanh vận tải đã được các đơn



vị vận tải chủ động thực hiện; qua kiểm tra của Đoàn kiểm tra Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải các tỉnh tại trong công tác quản lý phương tiện đã được các đơn vị vận tải khắc phục, không để tình trạng khoán trắng phương tiện cho lái xe, xã viên.

## II. Bến xe khách:

### 1. Số lượng bến xe:

- Số lượng bến xe khách trên địa bàn: 03 bến xe.
- Số lượng bến xe khách đã công bố: 03 bến xe.
- Số bến xe chưa công bố: 0 bến xe.
- Số điểm đón, trả khách tại địa bàn các huyện chưa có bến xe để phục vụ tuyến vận tải hành khách nội tỉnh: 03 điểm.

### 2. Hiện trạng bến xe:

TT	Thông tin chung về bến xe khách			Thông số kỹ thuật bến xe khách hiện tại					
	Tên huyện	Tên bến xe khách	Mã số của bến xe	Loại bến	Tổng diện tích bến (m <sup>2</sup> )	Diện tích nhà chờ (m <sup>2</sup> )	Diện tích khác	Công suất khai thác (lượt xe/ngày)	Số tuyến xe buýt ra vào bến
1	TP KonTum	BX khách KonTum	8211	3	13.312	300	13012	400	1
2	Huyện Đăk Hà	BX khách huyện Đăk Hà	8212	4	3.939	105	3.834	200	0
3	Huyện Ngọc Hồi	BX khách huyện Ngọc Hồi	8213	4	5.156	108	5.048	250	1

## III. Đề xuất, kiến nghị: Không.

Sở Giao thông vận tải kính báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam./.

### Nơi nhận:

- Bộ GTVT (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLPTNL&VT.

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hùng